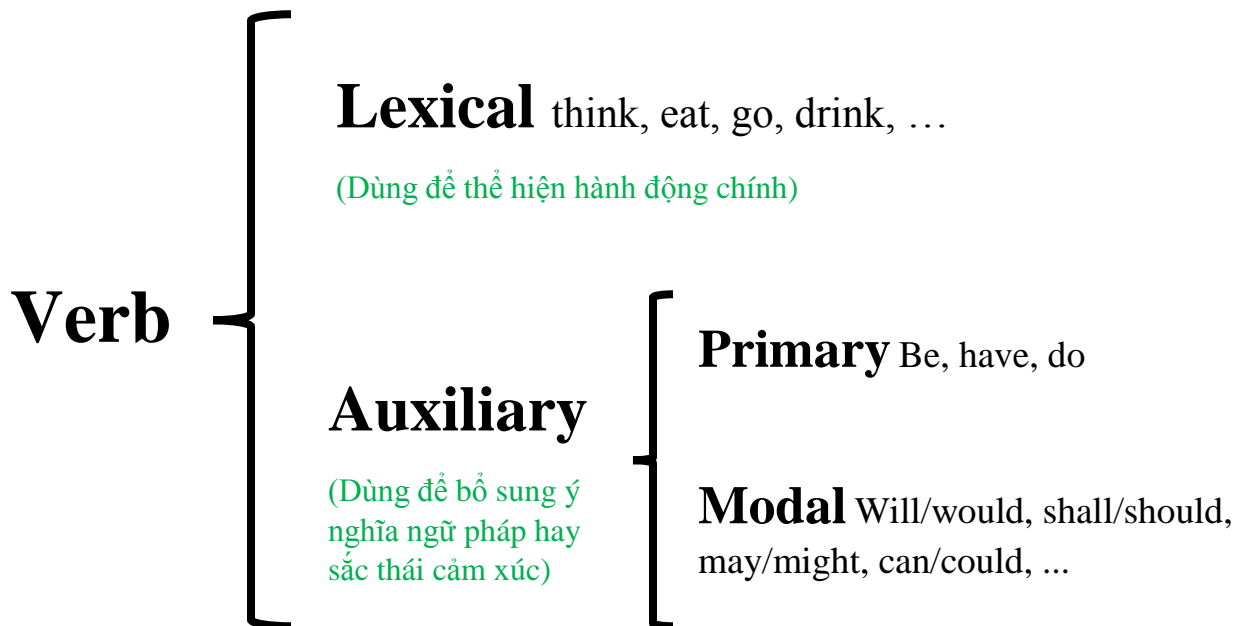


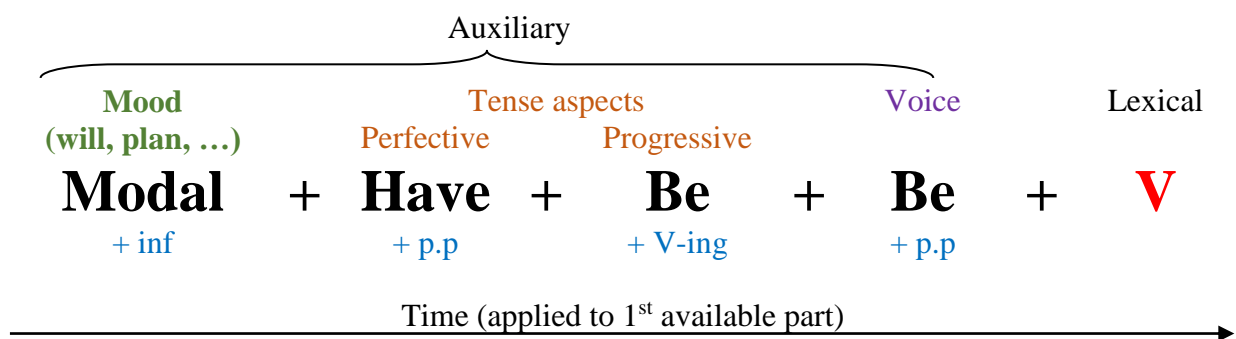
Động từ và thì tiếng Anh

Động từ tiếng Anh được chia thành các nhóm như sau:



Trong 1 câu tiếng Anh có thể không có chủ ngữ (vì được hiểu ngầm), nhưng phải có vị ngữ. Thành phần quan trọng nhất của vị ngữ là ngữ động từ. Ngữ động từ có cấu tạo đầy đủ như sau:

Verb phrase



Ví dụ: với động từ give, ta có thể tạo ra các ngữ động từ sau:

- **Không dùng trợ động từ:** Give
- **Dùng 1 trợ động từ:** will give, has given, is giving, is given
- **Dùng 2 trợ động từ:** will have given, will be giving, will be given, have been giving, have been given, is being given
- **Dùng 3 trợ động từ:** Will have been giving, will have been given, will be being given, has been being given
- **Dùng 4 trợ động từ:** Will have been being given

Có thể thấy là Lexical Verb là phần phải có trong ngữ động từ trong khi Auxiliary Verb có thể không có. Có 4 vị trí cho Auxiliary Verb. Mỗi cách kết hợp của 4 vị trí này tương ứng với 1 thì trong tiếng Anh. Bảng sau tóm lược cách tạo tên cho tất cả các thì:

Tense name	Time	Aspect		Voice
	Past Present Future Conditional	Simple		(Active) Passive
		Perfect	Progressive	

Có thể thấy rằng: Tên một thì chỉ dựa trên các Auxiliary Verb và bao gồm 3 phần:

- Phần **Time**: cho biết thời gian diễn ra hành động so với thời điểm nói theo quan điểm của người nói.
 - **Past**: diễn ra trước thời điểm nói.
Ví dụ: *Tom gave Rachel a flower* => Khi người nói nói câu đó, tức là đối với người nói hành động “give” đã xảy ra rồi.
 - **Present**: diễn ra xoay quanh thời điểm nói.
Ví dụ: *Tom gives Rachel a flower* => Khi người nói nói câu đó, tức là đối với người nói hành động “give” đang xảy ra quanh thời điểm nói.
 - **Future**: diễn ra sau thời điểm nói.
Ví dụ: *Tom will give Rachel a flower* => Khi người nói nói câu đó, tức là đối với người nói hành động “give” chưa xảy ra.
 - **Conditional**: dùng để diễn đạt tương lai trong quá khứ hay một thời điểm mang tính giả thuyết hay không thể xảy ra.
Ví dụ: *Tom would give Rachel a flower* => Khi người nói nói câu đó, tức là đối với người nói hành động “give” chưa xảy ra so với một thời điểm nào đó trong quá khứ.
- Phần **Aspect**: cho biết ý người nói mô tả hay muốn nhấn mạnh khía cạnh nào về diễn biến của hành động:
 - **Perfect**: So với mốc thời gian trong ngữ cảnh hiện tại, hành động đã hoàn thành hay đã diễn ra trong bao lâu hay đã lặp lại được bao nhiêu lần. Ví dụ:

<i>Tom has given Rachel a flower.</i>	Người nói muốn nhấn mạnh tính hoàn thành của hành động ‘give’ mà không quan tâm cụ thể là nó xảy ra vào lúc nào.
<i>Tom has given Rachel a flower for an hour.</i>	Người nói muốn nhấn mạnh phần đã hoàn thành thể hiện qua khoảng thời gian đã diễn ra hành động ‘give’. (Khi bạn cho ai đó 1 bông hoa mà mất cả giờ thì đúng là đáng nhấn mạnh ☺). Lưu ý là ở đây, người nói không cho biết chính xác là ‘hành động give đã hoàn thành hay chưa’.
<i>Tom has given Rachel a flower 3 times.</i>	Người nói muốn nhấn mạnh về phần đã hoàn thành thể hiện qua số lần đã diễn ra hành động ‘give’. Tương tự ví dụ trên, ở đây người nói cũng không cho biết chính xác là ‘hành động give đã hết diễn ra hay chưa’.

- **Progressive**: So với mốc thời gian trong ngữ cảnh hiện tại, hành động đang xảy ra. Ví dụ:

<i>Tom is giving Rachel a flower.</i>	Người nói muốn diễn tả hành động ‘give’ đang diễn ra vào thời điểm nói, cũng tức là hành động còn kéo dài đến sau thời điểm nói.
<i>Tom was giving Rachel a flower when I came.</i>	Người nói muốn diễn tả hành động ‘give’ đang diễn ra so với mốc thời gian trong ngữ cảnh hiện tại là ‘when I came’, cũng tức là hành động ‘give’ còn kéo dài đến sau thời điểm ‘when I came’.

- **Perfect** và **Progressive** có thể đi chung với nhau để diễn tả đã hoàn thành của một hành động vẫn đang diễn ra so với mốc thời gian trong ngữ cảnh hiện tại. Ví dụ:

<i>Tom has been giving Rachel a flower for an hour.</i>	Giống Perfect, người nói muốn nhấn mạnh phần đã hoàn thành thể hiện qua khoảng thời gian đã diễn ra hành động ‘give’. Ngoài ra, giống Progressive, ‘give’ đang diễn ra vào thời điểm nói. Ở đây, người nói còn cho biết là ‘give đang diễn ra vào thời điểm nói, tức là hành động đó còn kéo dài đến sau thời điểm nói’.
<i>Tom had been giving Rachel a flower for an hour when I came.</i>	Giống Perfect, người nói muốn nhấn mạnh phần đã hoàn thành thể hiện qua khoảng thời gian đã diễn ra hành động ‘give’. Ngoài ra, giống Progressive, ‘give’ đang diễn ra vào thời điểm ‘when I came’. Ở đây, người nói còn cho biết là ‘give đang diễn ra vào thời điểm nói, tức là hành động đó còn kéo dài đến sau thời điểm ‘when I came’.

- **Simple**: khi không cần cả Perfect và Progressive thì đó là Simple. Simple chủ yếu để diễn tả “việc có xảy ra” của hành động. Nếu được nêu thì thời điểm xảy ra hành động phải là thời điểm cụ thể xác định hay có thể xác định.

<i>Tom gives Rachel a flower.</i>	Người nói chỉ đơn giản nói về hành động ‘give’ có xảy ra vào thời điểm nói.
<i>Tom gave Rachel a flower yesterday.</i>	Người nói chỉ đơn giản nói về hành động ‘give’ có xảy ra vào thời điểm xác định trong quá khứ là ‘yesterday’.
<i>Tom gave Rachel a flower.</i>	Người nói chỉ muốn nhấn mạnh là hành động ‘give’ đã xảy ra.
<i>Tom will give Rachel a flower tomorrow.</i>	Người nói chỉ đơn giản nói về hành động ‘give’ sẽ xảy ra vào thời điểm xác định trong tương lai là ‘tomorrow’.
<i>Tom will give Rachel a flower.</i>	Người nói chỉ muốn nhấn mạnh là hành động ‘give’ sẽ xảy ra.
<i>Tom gives Rachel a flower everyday.</i>	Người nói chỉ đơn giản nói về hành động ‘give’ có xảy ra vào các thời điểm xác định (hàng ngày) và vẫn còn xảy ra không biết đến bao giờ mới hết.
<i>Tom gave Rachel a flower everyday.</i>	Người nói chỉ đơn giản nói về hành động ‘give’ có xảy ra vào các thời điểm xác định (hàng ngày) trong quá khứ và không còn xảy ra nữa. Người nói có thể biết khoảng thời gian quá khứ đó và có thể cũng giả định là người nghe cũng biết.
<i>Tom will give Rachel a flower everyday.</i>	Người nói chỉ đơn giản nói về hành động ‘give’ có xảy ra vào các thời điểm xác định (hàng ngày) trong tương lai và không biết đến bao giờ mới hết.
<i>Tom will give Rachel a flower everyday until the end of this year.</i>	Giống như trên nhưng biết ‘đến bao giờ thì hết’ ☺.
<i>If Rachel asks Tom, Tom will give her a flower.</i>	Người nói chỉ đơn giản nói về hành động ‘give’ có xảy ra vào các thời điểm có thể xác định được, đó là mỗi khi ‘Rachel asks Tom’.
<i>Water boils at 100</i>	Những quy luật kiểu này cũng nói về hành động có xảy ra vào các

<i>Celsius degrees.</i>	thời điểm có thể xác định được => dùng Simple.
-------------------------	--

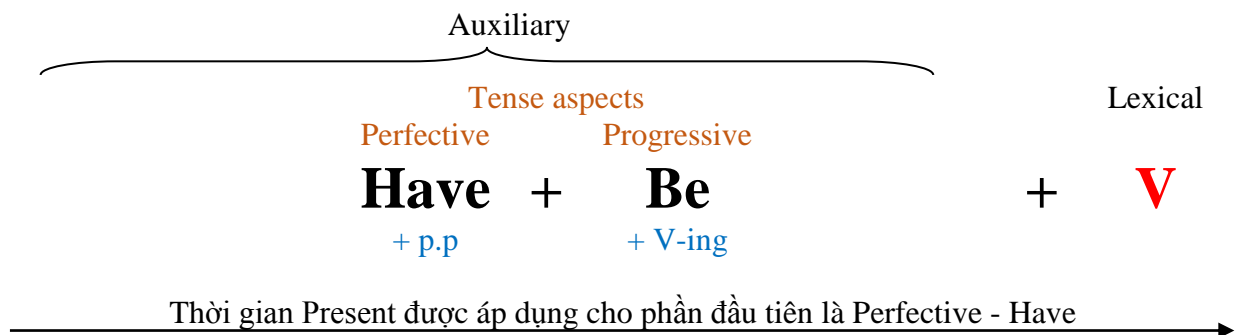
- Hãy phân biệt “**mốc thời gian trong ngữ cảnh hiện tại**” với **phần Time**. Phần Time thể hiện giá trị thời gian tương đối so với thời điểm nói còn “mốc thời gian trong ngữ cảnh hiện tại” là 1 giá trị thời gian cụ thể được đề cập hoặc là 1 hành động có thời gian xảy ra cụ thể (hay có thể xác định được) được chọn làm chuẩn. Khi phần Time là Present thì “mốc thời gian trong ngữ cảnh hiện tại” thường trùng với thời điểm nói. Ví dụ:

Tình huống	Phần Time	Mốc thời gian trong ngữ cảnh hiện tại
<i>Tom gives Rachel a flower.</i>	Present	Thời điểm nói
<i>Tom gave Rachel a flower.</i>	Past	Thời điểm nào đó trong quá khứ (có thể người nói biết hay không)
<i>Tom will give Rachel a flower.</i>	Future	Thời điểm nào đó trong tương lai (có thể người nói biết hay không)
<i>Tom gives Rachel a flower everyday.</i>	Present	Các thời điểm xác định bắt đầu từ lúc nào đó trong quá khứ và còn kéo dài đến tương lai.
<i>Tom gave Rachel a flower everyday.</i>	Past	Các thời điểm xác định trong quá khứ (bắt đầu từ lúc nào đó trong quá khứ và đã kết thúc trong quá khứ).
<i>Tom will give Rachel a flower everyday.</i>	Future	Các thời điểm xác định trong tương lai (bắt đầu từ lúc nào đó trong tương lai và tất nhiên sẽ kết thúc trong tương lai).
<i>If Rachel asks Tom, Tom will give her a flower.</i>	Present - Future	‘Ask’: Các thời điểm bất kỳ bắt đầu từ lúc nào đó trong quá khứ và còn kéo dài đến tương lai. ‘give’: chắc chắn xảy ra sau ‘ask’. Do đó, nếu ‘ask’ là Present thì ‘give’ hiển nhiên là Future.
<i>Water boils at 100 Celsius degrees.</i>	Present	Các thời điểm bất kỳ trong quá khứ, hiện tại và tương lai.
<i>Tom had been giving Rachel a flower for an hour when I came.</i>	Past	Đối với hành động give là ‘when I came’. Đối với hành động come là một thời điểm nào đó trong quá khứ.

- **Phần Voice:** cho biết ý người nói muốn người nghe tập trung vào phần nào: chủ thể của hành động hay đối tượng bị tác động bởi hành động?
 - **(Active):** Nếu trong tên thì không có phần Voice thì đó là Active. Trong Active Voice, thứ tự diễn đạt là **Chủ thể -> Hành động -> Đối tượng bị tác động**.
Ví dụ: *Tom gave Rachel a flower.* => Người nói đang nói về ‘Tom’.
 - **Passive:** Người nói muốn người nghe chú ý vào đối tượng bị tác động nên thứ tự được đảo lại là **Đối tượng bị tác động -> Hành động -> (Chủ thể)**.
Bình thường, phần Chủ thể trong Passive Voice hay được bỏ đi. Ví dụ: *Rachel was given a flower.* => Người nói đang nói về ‘Rachel’.
Tuy nhiên, trong 1 số trường hợp, phần Chủ thể này được nêu ra để nhấn mạnh sự chú ý vào cả Chủ thể. Ví dụ: *Rachel was given a flower by Tom.* => Đề tài chính là ‘Rachel’. Tuy nhiên, người nói cũng muốn cho biết Tom chính là chủ thể của hành động ‘give’.

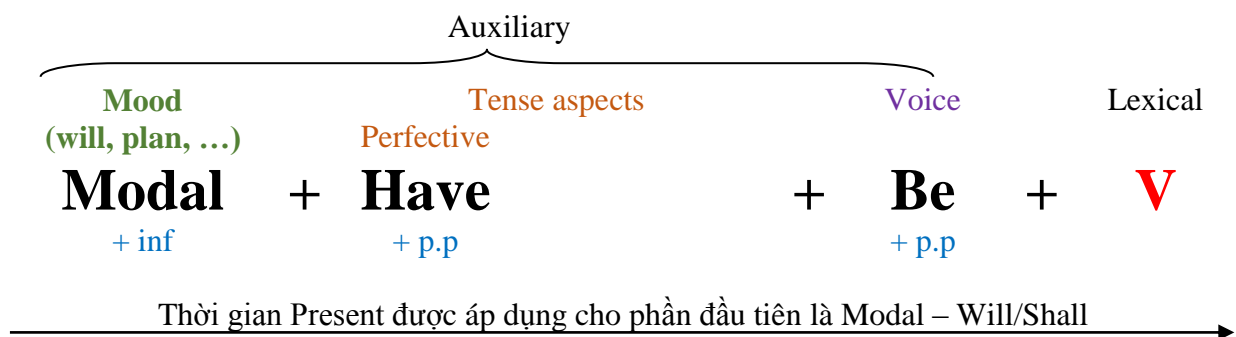
Bây giờ chúng ta hãy thử vận dụng kiến thức trên để phân tích thì.

Ví dụ 1: lập công thức thì Present Perfect Progressive cho động từ build.



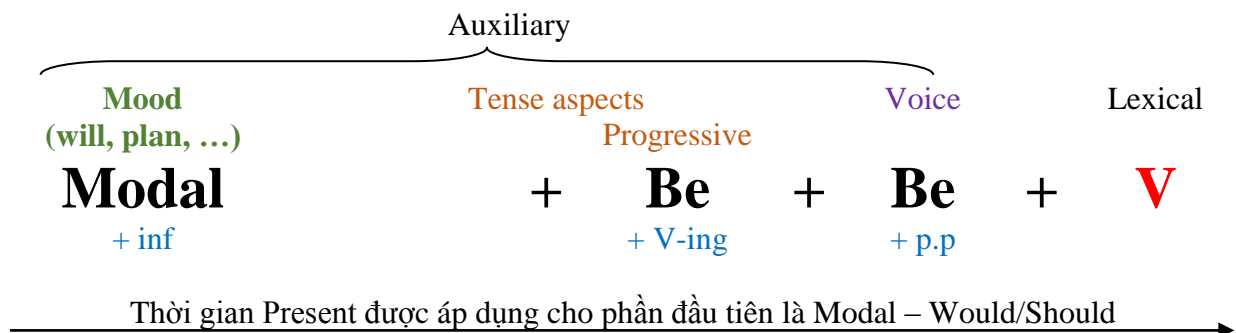
⇒ Công thức là: Has/have been building

Ví dụ 2: lập công thức thì Future Perfect Passive cho động từ build.



⇒ Công thức là: Will/shall have been built

Ví dụ 3: lập công thức thì Conditional Progressive Passive cho động từ build.



⇒ Công thức là: Would/should be being built

Ví dụ 4: những ngữ động từ sau tương ứng với thì nào: will drink, will have bought, would be being sold, talked, had been talking?

Ngữ động từ	Mẫu	Tên thì
will drink	Modal will + V	Future Simple
will have bought	Modal will + Perfective + V	Future Perfect
would be being sold	Modal would + Progressive + Passive + V	Conditional Progressive Passive
talked	(Past) V	Past Simple
had been talking	(Past) Perfective + Progressive + V	Past Perfect Progressive

Ví dụ 5: Nên dùng thì nào cho các tình huống sau:

1- Tôi 8g tối qua thì tôi đã làm xong 20 bài tập.

- 2- Anh xe ôm đang bị công an chặn lại.
- 3- Đến hết tháng này thì ngôi trường đã tồn tại được 50 năm.
- 4- Vào đêm đó, khi Raph tỉnh dậy thì Splinter đã hôn mê 2 tiếng.

Tình huống	Dấu hiệu	Tên thì
1	Hành động: làm Thời gian diễn ra: 8g tối qua => Past Làm xong => đã hoàn thành => Perfective	Past Perfective
2	Hành động: chặn Thời gian diễn ra: thời điểm nói => Present Đang => đang diễn ra => Progressive Anh xe ôm là chủ ngữ nhưng không phải chủ thể hành động => Passive	Present Progressive Passive
3	Hành động: tồn tại Thời gian diễn ra: cuối tháng này => Future Đã tồn tại được xx năm => đã diễn ra trong bao lâu => Perfective	Future Perfect
4	Hành động: tỉnh dậy Thời gian diễn ra: vào đêm đó => Past Hành động: hôn mê Thời gian diễn ra: vào đêm đó => Past Đã hôn mê 2 tiếng => đã diễn ra trong bao lâu => Perfective	Past Simple cho 'tỉnh dậy' Past Perfect cho 'hôn mê'

Ví dụ 6: Cùng lúc nói về việc 'Tom tặng hoa cho Rachel' nhưng Bi, Bo, Tèo, Tí, lại dùng thì khác nhau:

Bi: Tom will give Rachel a flower.

Bo: Tom gave Rachel a flower.

Tèo: Tom has given Rachel a flower.

Tí: Tom has given Rachel a flower yesterday.

Ai đúng? Ai sai?

3 người đầu đúng. Bi dùng thì Future Simple vì Bi nghĩ hành động đó chưa xảy ra. Bo dùng thì Past Simple vì Bo chỉ muốn nhấn mạnh là 'có việc đó xảy ra' và có thể Bo biết thời điểm xảy ra hành động. Tèo thì khác. Tèo dùng thì Present Perfect vì Tèo muốn nhấn mạnh là 'việc đó đã hoàn thành trước thời điểm nói'.

Chỉ có Tí sai. Tí nêu thời điểm diễn ra hành động là quá khứ - 'yesterday' nên không thể dùng thì Present Perfect được. Tí có thể dùng Past Simple hay Past Progressive (trong trường hợp Tom tặng hoa cả ngày hôm qua và qua tới hôm nay mới xong 😊)

Đến đây, chắc chắn bạn đã nắm được thì và cũng hiểu được: Thì nói riêng (và ngôn ngữ nói chung) là phương tiện giúp người nói mô tả về hành động theo quan điểm của mình. Do đó, không có gì lạ khi cùng một hành động có thể được diễn tả bằng nhiều thì khác nhau bởi nhiều người nói khác nhau hay của chính một người nói vào các thời điểm khác nhau.

Hãy thử tự mình vận dụng và phân tích cách dùng thì của người khác. Bạn sẽ thấy thêm nhiều điều thú vị lắm đấy 😊.